

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1374/2019/DSST
Ngày: 14/10/2019
V/v Tranh chấp đòi tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Nhung.

Bà Lê Thị Xuân Lang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 482/DSST, ngày 12 tháng 12 năm 2016; về “Tranh chấp đòi tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 4170/2019/QĐ-ST ngày 12/9/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 8127/2019/QĐST-DS ngày 07/10/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: **Bà Suzuki T**; sinh năm 1962.

Địa chỉ: 656 Y, xã O, huyện G, tỉnh Gifu, Japan.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Kim H; sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: 187/7 ĐBP, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Cao Nhật A – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: **Ông Đinh Văn N**; sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: 98C LL, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Phía nguyên đơn trình bày:

Bà Suzuki T có cho ông Đinh Văn N mượn 9.000 USD và 5.314.800 Yên Nhật. Bà Suzuki T đã chuyển số tiền này vào tài khoản của ông N tại Ngân hàng E, cụ thể:

Ngày 10/4/2006 chuyển khoản 9.000 USD. (Hai bên đã thống nhất quy đổi số tiền này ra đồng Yên Nhật là 1.016.550 Yên)

Ngày 11/12/2006 chuyển khoản 2.945.000 Yên Nhật.

Ngày 14/12/2006 chuyển khoản 2.369.800 Yên Nhật.

Ông N đã trả cho bà Suzuki T nhiều lần là 830.550 Yên, 1.500.000 Yên, 300.000 Yên, 2.281.698 Yên, 285.530 Yên.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Đinh Văn N trả lại số tiền còn thiếu là 1.132.772 Yên Nhật, tương đương 245.811.524 đồng Việt Nam, không yêu cầu trả lãi.

Phía bị đơn trình bày:

Ông có nhận của bà Suzuki T 9000 USD và 5.314.800 Yên Nhật, đây là số tiền mà nguyên đơn chuyển cho ông để chơi chứng khoán và ông đã trả hết số tiền trên. Do đó ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn – ông Đinh Văn N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì ông cho rằng số tiền mà nguyên đơn chuyển cho ông bao gồm 9000 USD và 5.314.800 Yên Nhật là số tiền nguyên đơn đưa bị đơn để chơi chứng khoán và ông đã trả hết số tiền trên. Ông thừa nhận số tiền 9.000 USD hai bên đã quy đổi ra tiền Yên Nhật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền còn thiếu là 1.132.772 Yên Nhật vì bị đơn đã thừa nhận toàn bộ số tiền đã nhận từ bà Suzuki T nhưng không có căn cứ nào chứng minh cho việc đã trả đủ số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến kết luận:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn giải quyết vụ án đã kéo dài so với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do phía bị đơn không chứng minh được số tiền đã trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: do nguyên đơn – bà Suzuki T là người nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Biên bản hòa giải, Biên bản đối chất tại Tòa án, các bản sao kê tài khoản của bà Suzuki T tại Ngân hàng C, bản sao kê tài khoản của ông Đinh Văn N tại Ngân hàng E, có đủ cơ sở kết luận ông N đã nhận của bà Suzuki T số tiền là 9000 USD và 5.314.800 Yên Nhật. Việc ông N cho rằng đây là tiền ông nhận của bà Suzuki T để chơi chứng khoán và ông đã trả hết cho bà Suzuki T nên không chấp nhận đơn kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên ông N không có chứng cứ chứng minh ông đã trả đủ số tiền trên cho bà Suzuki T, đồng thời tại phiên tòa hai bên thừa nhận số tiền 9.000 USD ông N nhận từ tài khoản của bà Suzuki T đã được hai bên thống nhất quy đổi ra tiền Yên Nhật là 1.016.550 Yên, nên việc nguyên đơn khởi kiện chỉ thừa nhận ông đã trả được một phần như trình bày trên và còn thiếu lại tổng cộng 1.132.772 Yên Nhật quy đổi ra đồng Việt Nam là có cơ sở.

Tổng số tiền ông N còn thiếu của bà Suzuki T là 1.132.772 Yên Nhật quy đổi sang tiền Việt Nam đồng vào thời điểm xét xử là $202,76 \text{ đồng} \times 1.132.772 \text{ Yên Nhật} = 229.680.851 \text{ đồng}$ (theo tỷ giá của đồng Yên Nhật tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam).

Chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi phía nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông Đinh Văn N phải có trách nhiệm trả cho bà Suzuki T số tiền 229.680.851 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn tám trăm năm mươi một đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn – ông Đinh Văn N phải chịu là $5\% \times 229.680.851 \text{ đồng} = 11.484.042 \text{ đồng}$ (Mười một triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi hai đồng). Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Suzuki T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166, 280, 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26, 37, 264, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Suzuki T.

Buộc bị đơn – ông Đinh Văn N phải trả lại cho bà Suzuki T số tiền 1.132.772 Yên Nhật, tương đương 229.680.851 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn tám trăm năm mươi một đồng).

Kể từ ngày các đương sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đinh Văn N chưa thi hành thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn – ông Đinh Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.484.042 đồng (Mười một triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi hai đồng). Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 6.266.500 đồng (Sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) đã nộp cho bà Suzuki T theo biên lai thu 0031603 ngày 29/11/2016 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu/24.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Đức